

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS - ST

Ngày: 15 - 3 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Phan Ngọc Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội.

*1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Dương Quyết X.  
Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng A.

*1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung Y,

sinh năm: 1980. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện G, tỉnh Kiên Giang (văn bản ủy quyền số 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016).

1.3. *Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Z, sinh năm: 1980. Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện G, tỉnh Kiên Giang (văn bản ủy quyền số 20/QĐ - NHCS ngày 04/02/2020, có mặt).

Địa chỉ: Khu phố N1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## 2. Bị đơn:

2.1. Bà Đinh Thị Thúy Tr, sinh năm: 1990 (có mặt).

2.2. Ông Nguyễn Kim Ch, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố N1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh Z là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/11/2011, Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) duyệt hồ sơ cho vợ chồng bà Đinh Thị Thúy Tr vay tiền là 30.000.000 đồng; mục đích vay chăn nuôi, trồng trọt; thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân là ngày 24/11/2011; lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (gọi tắt là hợp đồng) là 0,9%/ tháng tức là 10,8%/ năm (thỏa thuận 01 năm là 360 ngày), lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; kỳ hạn trả nợ gốc 05 lần (12 tháng trả 01 lần), mỗi lần trả là 6.000.000 đồng, trả tiền lãi hàng tháng, một tháng trả 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 10/8/2016, sau đó Ngân hàng đồng ý gia hạn thời gian trả nợ cho vợ chồng bà Tr đến ngày 10/9/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, kể từ ngày giải ngân cho đến nay, vợ chồng bà Tr đã thanh toán được một phần tiền lãi tổng cộng là 10.051.000 đồng. Trong đó, ngày 31/01/2014 trả là 5.244.000 đồng, ngày 09/5/2014 trả là 1.000.000 đồng, ngày 10/8/2014 trả là 500.000 đồng, ngày 07/11/2014 trả là 2.607.000 đồng và lần cuối cùng ngày 22/7/2015 trả là 700.000 đồng.

Khi đến thời hạn thanh toán nợ, phía Ngân hàng làm việc với vợ chồng bà Tr nhiều lần, yêu cầu thanh toán nợ nhưng vợ chồng bà Tr chỉ hứa hẹn, cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Tr và ông Ch phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền còn thiếu tính đến ngày 15/3/2021, cụ thể như sau: Tiền vay vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 13.090.171 đồng, tính tròn là 13.090.000 đồng, tổng cộng là 43.090.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà Tr và ông Ch phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 16/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, vợ chồng bà Tr có thiện chí trong việc thanh toán nợ, Ngân hàng đồng ý cho vợ chồng bà Tr trả dần khoản nợ nêu trên, mỗi tháng trả là 4.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ. Việc bà Tr đề nghị không tính tiền lãi sau ngày xét xử, Ngân hàng không đồng ý.

*Bà Đinh Thị Thúy Tr là bị đơn trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng về việc: Bà ký kết hợp đồng vay tài sản (giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) với Ngân hàng, các thỏa thuận trong hợp đồng và khoản tiền lãi đã trả là đúng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Mặc dù, trong hợp đồng vay một mình bà ký nhưng ông Ch biết và cùng sử dụng khoản tiền vay để chăn nuôi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà có ý kiến như sau: Vợ chồng bà đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 13.090.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả là 1.500.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ. Về tiền lãi Ngân hàng yêu cầu, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ, đề nghị Ngân hàng xem xét về hoàn cảnh gia đình không yêu cầu.

*Ông Nguyễn Kim Ch là bị đơn:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Tr và ông Ch phải trả tiền vay theo hợp đồng, ông Ch và bà Tr vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay chăn nuôi, trồng trọt, đây là

tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ch và bà Tr là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ch. Tuy nhiên, ông không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để được xem xét, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, ông Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Ch.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa giữa người được ủy quyền lại của nguyên đơn và bà Tr thống nhất xác định:

Ngày 24/11/2011, Ngân hàng A - phòng giao dịch huyện G, tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là Ngân hàng) đã duyệt, giải ngân và cấp sổ vay vốn cho bà Tr vay số tiền là 30.000.000 đồng (theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 22/11/2011 của bà Tr, gọi tắt là hợp đồng). Đồng thời, hai bên thống nhất về tiền lãi đã trả trong quá trình thực hiện hợp đồng tổng cộng là 10.051.000 đồng và tiền vốn còn nợ là 30.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ tính đến ngày 15/3/2021 là 13.090.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau là sự thật và việc ký kết hợp đồng vay tài sản của hai bên hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định khác của pháp luật. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 24/11/2011); lãi suất thỏa thuận là 10,8%/ năm (thỏa thuận 01 năm là 360 ngày),

lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; kỳ hạn trả nợ gốc 05 lần (12 tháng trả 01 lần), mỗi lần trả là 6.000.000 đồng, trả tiền lãi hàng tháng, một tháng trả 01 lần. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 10/8/2016, sau đó Ngân hàng đồng ý gia hạn thời gian trả nợ cho vợ chồng bà Tr đến ngày 10/9/2019. Khi đến thời hạn thanh toán nợ vợ chồng bà Tr chỉ hứa hẹn, cam kết nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm về hợp đồng vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa, bà Tr đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/3/2021 là 13.090.000 đồng, đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả là 1.500.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Mặc dù, trong giấy đề nghị vay vốn do một mình bà Tr ký nhưng bà Tr xác định, ông Ch chồng bà biết và vợ chồng cùng sử dụng khoản tiền vay để chăn nuôi. Cho nên, ông Ch là chồng của bà Tr phải có trách nhiệm với bà Tr trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu và đề nghị về tiền lãi: Hai bên thừa nhận hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận trả tiền lãi cho đến khi thanh toán dứt nợ, việc bà Tr đề nghị Ngân hàng xem xét không tính tiền lãi, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Cho nên, việc Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà Tr phải trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xử cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Tr và ông Ch phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng các khoản tiền còn thiếu, cụ thể như sau: Tiền vay vốn là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2021 là 13.090.000 đồng, tổng cộng là 43.090.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Tr và ông Ch còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 9 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng A khởi kiện vụ án thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Kim Ch và bà Đinh Thị Thúy Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là:  $43.090.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.154.500 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 9 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Kim Ch, bà Đinh Thị Thúy Tr.

Buộc ông Nguyễn Kim Ch, bà Đinh Thị Thúy Tr phải trả cho Ngân hàng A các khoản tiền còn thiếu, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/3/2021 là 13.090.000 đồng, tổng cộng là 43.090.000 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2021), bà Tr và ông Ch còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị Thúy Tr và ông Nguyễn Kim Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.154.500 đồng (hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A và bà Đinh Thị Thúy Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2021); ông Nguyễn Kim Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND xã, tt;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**